



BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG TUẦN

08/09/2025 – 12/09/2025

Khối Nghiên cứu



MBS Head Office
MB Building, 21 Cat Linh, Dong Da, Hanoi, Vietnam
Tel: +84 24 7304 5688 Fax: +84 24 3726 2601
Web: www.mbs.com.vn

Điểm hẹn tháng 9, Fed “hạ cánh mềm”.

- **Thị trường chứng khoán Mỹ:** Chỉ số S&P 500 và Nasdaq vẫn hoàn tất một tuần tăng, với mức tăng tương ứng 0,33% và 1,14%. Trong khi đó, Dow Jones giảm 0,32% cả tuần. Báo cáo từ Bộ Lao động Mỹ cho thấy khu vực phi nông nghiệp của nước này có 22.000 công việc mới trong tháng 8, ít hơn nhiều so với con số dự báo 75.000 công việc mới mà các nhà kinh tế đưa ra trong một cuộc khảo sát của hãng tin Dow Jones. Tỷ lệ thất nghiệp tăng lên mức 4,3%, phù hợp với dự báo. Cả 3 chỉ số chính đều giảm sau báo cáo việc làm dù cả ba chỉ số này đều lập kỷ lục nội phiên. Ở thời điểm lập đỉnh của phiên, S&P 500, Nasdaq và Dow Jones ghi nhận mức tăng tương ứng 0,5%, 0,8% và 0,3%.
- Thị trường lao động suy yếu rõ rệt trong tháng trước, nhưng theo một cách nào đó, đây lại chính xác là điều thị trường đang tìm kiếm. Các nhà đầu tư đang xem dữ liệu việc làm yếu kém trong tháng 8 như một tín hiệu để tin rằng Fed sẽ cắt giảm lãi suất tại cuộc họp chính sách tiếp theo. Động thái này được xem là xúc tác tăng trưởng lớn cho cổ phiếu mà thị trường đã dự đoán trong suốt năm nay. Xác suất Fed sẽ cắt giảm lãi suất tại cuộc họp FOMC tháng 9 đã tăng vọt lên 100% vào ngày 05/09, ngay sau khi số liệu cho thấy tăng trưởng việc làm kém xa so với kỳ vọng trong tháng 8. Đồng thời, khả năng cắt giảm lãi suất mạnh mẽ 50 điểm cơ bản cũng tăng lên khoảng 12%. Đây là một sự kiện tương đối hiếm, mặc dù Fed cũng đã thực hiện cắt giảm mạnh tương tự vào tháng 9/2024.
- **Đối với thị trường trong nước:** Chỉ số Vn-Index không giữ được ngưỡng 1.700 điểm trong phần lớn thời gian ở phiên giao dịch cuối tuần trước. Chốt tuần đầu tiên của tháng 9 ở ngưỡng 1.666,97 điểm, giảm -15,24 điểm, tương đương giảm -0,91% so với tuần trước. Diễn biến đáng chú ý ở tuần giao dịch sau kỳ nghỉ lễ diễn ra ở phiên cuối tuần khi chỉ số Vn-Index vượt ngưỡng 1.700 điểm, lập kỷ lục nội phiên nhưng đóng cửa giảm 29,32 điểm so với phiên trước và giảm 44,52 điểm so với mức cao nhất trong phiên. Tuần vừa qua, thị trường chỉ giao dịch 3 phiên, trong khi Vn-Index và VN30 đều giảm 1% thì nhóm Midcap gần như đ ingang và giảm nhẹ 0,06%, đáng chú ý là nhóm Smallcap ngược dòng thị trường với mức tăng 0,83%.
- Một số nhóm cổ phiếu có mức tăng mạnh trên thị trường trong tuần vừa qua như: Xây dựng và VLXD (+4,8%), BĐS KCN (+2,4%), Viettel (+5,1%), ... ở chiều ngược lại, nhóm cổ phiếu gây áp lực lên thị trường: Chứng khoán (-4,7%), Vingroup (-3,2%).
- Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua đạt 46.656 tỷ đồng, tăng +2,3% so với tuần trước đó, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng tăng nhẹ +4,8% lên 44.554 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản tháng 8 tăng +197% vsck và tăng + 40% so với tháng 7, đạt 55.120 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường đạt 29.754 tỷ đồng, tăng +41% so với mức bình quân năm 2024, và tăng +32% so với cùng kỳ.

Điểm hẹn tháng 9, Fed “hạ cánh mềm”

- Khối ngoại bán ròng -5.280 tỷ đồng, đánh dấu tuần bán ròng thứ 7 liên tiếp, lũy kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng -82.965 tỷ đồng. Tuần vừa qua, khối ngoại mua ròng đối với MSB (+353 tỷ đồng), DIG (+244 tỷ đồng), NKG (+187 tỷ đồng), HSG (+148 tỷ đồng), trong khi bán ròng VPB (-872 tỷ đồng), VHM (-502 tỷ đồng), MWG (-418 tỷ đồng), MSN (-392 tỷ đồng), ... Tự doanh các công ty chứng khoán tuần vừa qua mua ròng đối với các cổ phiếu như: VCB (+181 tỷ đồng), DXG (+113 tỷ đồng), GEX (+90 tỷ đồng), ... trong khi bán ròng đối với các cổ phiếu khác như: VIX (-92 tỷ đồng), GMD (-67 tỷ đồng), VIC (-63 tỷ đồng).
- Về định giá, chỉ số P/E (ttm) của thị trường hiện tại ở mức gần 15,5 lần, cao hơn mức bình quân 3 năm (13,3 lần), nhóm Vn30 và Midcap cũng đang cao hơn mức bình quân, trong khi nhóm Smallcap do chưa vượt đỉnh như các nhóm khác nên P/E hiện ở mức 13,1 lần, thấp hơn so với bình quân 3 năm (15,5 lần). Thị trường mới nổi (Emerging) hiện đang giao dịch với mức P/E (ttm) ở mức 15,4 lần, cao hơn bình quân 3 năm (13,9 lần).
- Nhận định thị trường: Đối với chứng khoán thế giới, tâm điểm vẫn là cuộc họp chính sách tiền tệ của Fed vào ngày 15-17/9 tới. Câu hỏi là liệu chúng ta sẽ nhận được 25 hay 50 điểm cơ bản? Xác suất Fed sẽ cắt giảm lãi suất tại cuộc họp FOMC tháng 9 đã tăng vọt lên 100% vào ngày 05/09. Đồng thời, khả năng cắt giảm lãi suất mạnh mẽ 50 điểm cơ bản cũng tăng lên khoảng 12%. Đây là một sự kiện tương đối hiếm, mặc dù Fed cũng đã thực hiện cắt giảm mạnh tương tự vào tháng 9/2024. Các nhà đầu tư đang xem dữ liệu việc làm yếu kém trong tháng 8 như một tín hiệu để tin rằng Fed sẽ cắt giảm lãi suất tại cuộc họp chính sách tiếp theo. Động thái này được xem là xúc tác tăng trưởng lớn cho cổ phiếu mà thị trường đã dự đoán trong suốt năm nay. Đây chính là lý do cổ phiếu vẫn giữ được mức cao kỷ lục khi triển vọng lãi suất thấp hơn đang tạo ra sức hấp dẫn.
- Đối với thị trường trong nước: Diễn biến đáng chú ý trong tuần giao dịch đầu tiên (3 phiên) sau kỳ nghỉ lễ là phiên điều chỉnh cuối tuần trước. Chỉ số Vn-Index vượt ngưỡng 1.700 điểm, lập kỷ lục nội phiên nhưng đóng cửa giảm -29,32 điểm so với phiên trước và giảm -44,52 điểm so với mức cao nhất trong phiên. Đáng chú ý là nhịp rung lắc này diễn ra trong thời khá ngắn nhưng cũng đủ để dòng tiền lao vào bắt đáy, giúp thanh khoản tuần vừa qua tăng trở lại sau khi giảm từ mức đỉnh ở tuần cuối tháng 8. Nhóm Vingroup và một số cổ phiếu Ngân hàng gây áp lực lên thị trường tuần vừa qua, với VIC, VHM, VPB, VCB và BID đã lấy đi của thị trường 13,5 điểm trong mức giảm 15 điểm của chỉ số Vn-Index. Trong khi đó 5 cổ phiếu Top đầu gồm: HPG, FPT, GVR, BSR và SJS chỉ đóng góp cho thị trường 4,6 điểm. Về kỹ thuật, nhiều cổ phiếu trong nhóm Bluechips đã test đỉnh nhưng không thành công, đang dao động trong vùng tái tích lũy sau giai đoạn tăng mạnh vừa qua. Nhóm Vingroup cũng đã giảm liên tiếp 6 phiên về vùng hỗ trợ, đây là chuỗi giảm dài nhất kể từ đầu tháng 7 vừa qua, tín hiệu này có thể là yếu tố hỗ trợ cho thị trường trong tuần này khi nhóm dẫn dắt này đã về sát vùng hỗ trợ tâm lý tương ứng với Vn-Index ở 1.600 điểm. Triển vọng lãi suất thấp hơn từ Fed cũng giúp dòng tiền quay lại nhóm cổ phiếu hàng hóa như: Thép, dầu khí, hóa chất, cao su tự nhiên, ... bên cạnh đó là nhóm cổ phiếu BĐS, BĐS KCN, Đầu tư công, Viettel, Thực phẩm, sản xuất và phân phối điện, ... Tuần vừa qua, dòng tiền đổ mạnh vào nhóm Thép (tỷ trọng 12,7%, mức cao nhất từ đầu năm), các nhóm cổ phiếu khác hiện vẫn thu hút dòng tiền như: BĐS, Đầu tư công. Trong kịch bản cơ sở: Chúng tôi cho rằng thị trường tiếp tục hình thành vùng tái tích lũy 1.640 - 1.700 điểm, nửa đầu tháng 9 thị trường có thể còn khó khăn nhưng sẽ tích cực vào 2 tuần cuối tháng 9 trước khi chờ đợi thông tin nâng hạng đầu tháng 10. Kịch bản thận trọng, các ngưỡng hỗ trợ cho thị trường ở khu vực 1.600 – 1.615 điểm, trong khi các đỉnh cao mới ở vùng 1.694 – 1.700 điểm.
- Chiến lược giao dịch: Tập trung nhóm cổ phiếu đang thu hút dòng tiền trong kịch bản thị trường đi vào vùng tái tích lũy như: nhóm cổ phiếu về hàng hóa (Thép, dầu khí, hóa chất), bên cạnh đó là nhóm Đầu tư công, Bất động sản, BĐS KCN, Sản xuất và phân phối điện, Thực phẩm, Công nghệ, Viettel, ...

Các sự kiện chính trong tuần này (08/09 – 12/09)

Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu
08	09	10	11	12
 Nhật Bản: Tăng trưởng GDP (Q2)		 Trung Quốc: Chỉ số giá tiêu dùng (tháng 8)  Mỹ: Chỉ số giá sản xuất PPI (tháng 8)	 Mỹ: Đề nghị trợ cấp thất nghiệp lần đầu  Châu Âu: Quyết định lãi suất của ECB  Mỹ: Chỉ số giá tiêu dùng (tháng 8)	 Mỹ: Chỉ số tâm lý tiêu dùng của đại học Michigan sơ bộ (tháng 9)  Anh: Tăng trưởng GDP (tháng 7)  Đức: Chỉ số giá tiêu dùng (tháng 8)

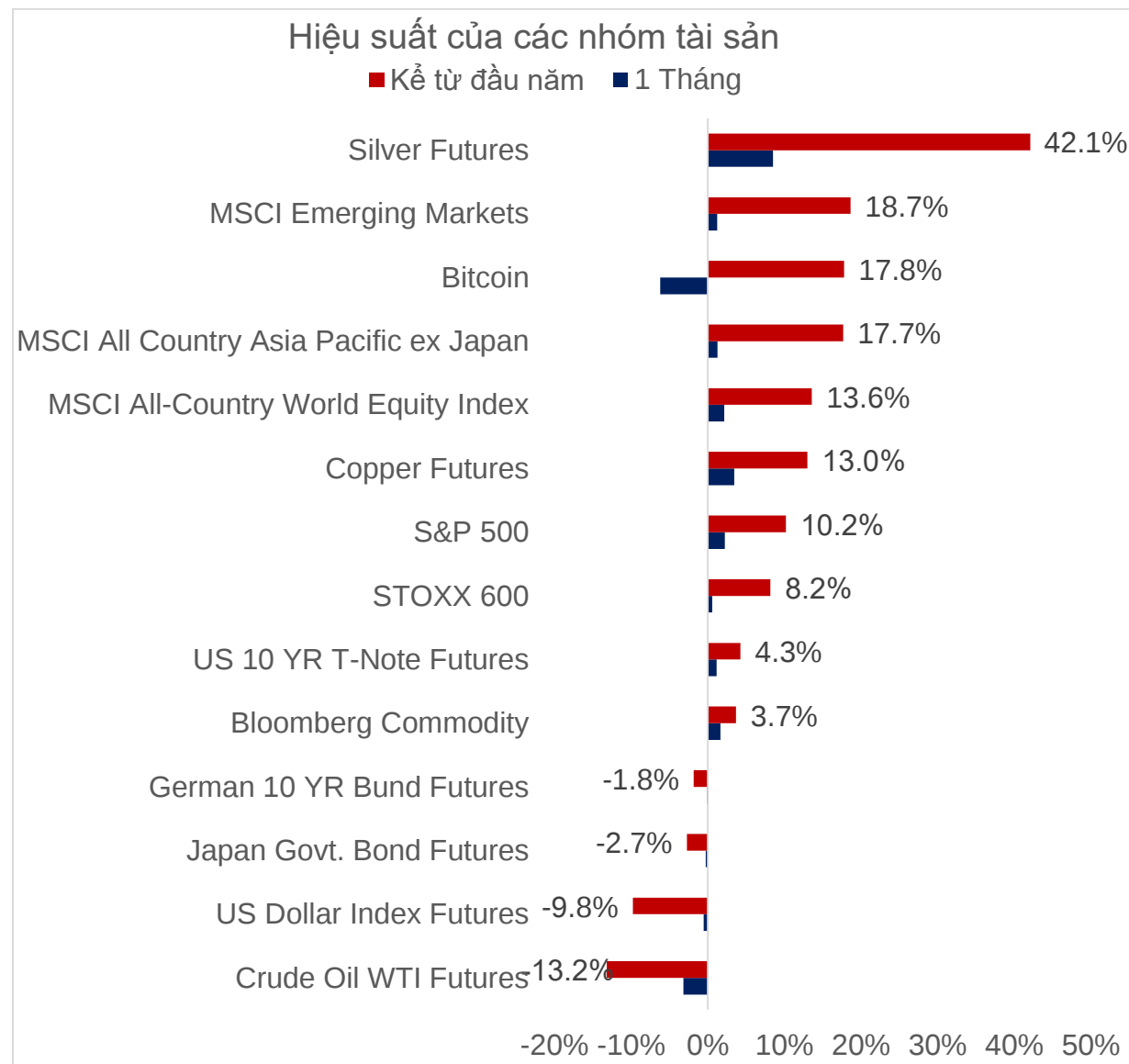
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

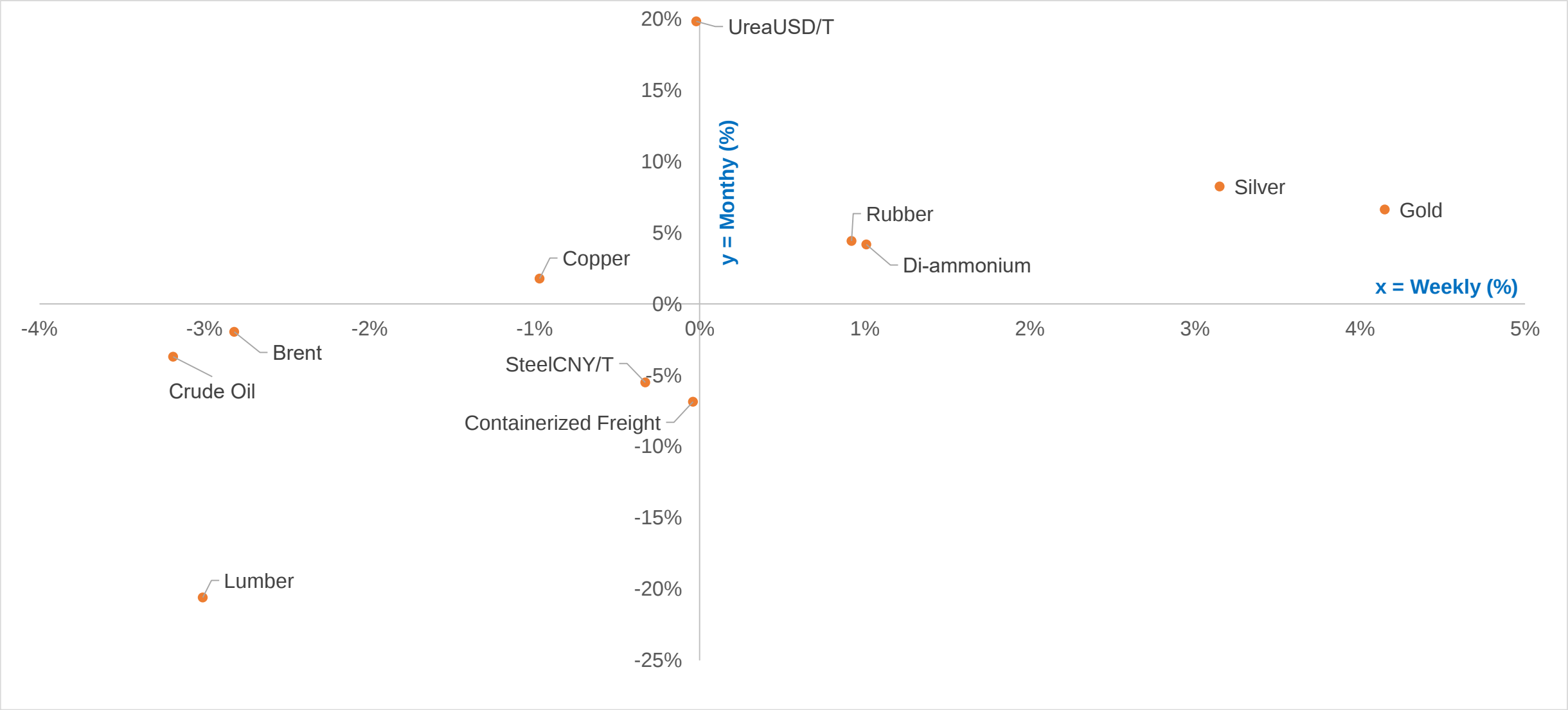


Diễn biến các chỉ số chứng khoán tuần qua

Index	Last	1 Week	1 Month	YTD	1 Year
Global	955.71	0.4%	2.2%	13.6%	19.1%
Dow Jones	45,400.86	-0.3%	3.3%	6.7%	12.5%
S&P 500	6,481.50	0.3%	2.2%	10.2%	19.8%
Europe	549.21	-0.2%	0.6%	8.2%	8.4%
Japanese	43,018.75	0.7%	4.8%	7.8%	18.2%
Korea	3,205.12	0.6%	-0.7%	33.6%	26.0%
China	3,812.51	-1.2%	4.8%	13.8%	37.8%
HongKong	25,417.98	1.4%	1.3%	26.7%	45.7%
Taiwan	24,494.58	1.1%	2.0%	6.3%	14.3%
Indian	24,741.00	1.3%	0.6%	4.6%	-0.5%
Singapore	4,307.08	0.9%	1.2%	13.7%	24.7%
Malaysia	1,578.15	0.2%	1.9%	-3.9%	-4.5%
Indonesia	7,867.35	0.5%	5.0%	11.1%	1.9%
Thailand	1,264.80	2.3%	0.0%	-9.7%	-11.4%
Philippine	6,149.13	-0.1%	-3.4%	-5.8%	-11.4%
Vietnam	1,666.97	-0.9%	7.7%	31.6%	30.9%
Brent Oil	65.50	-3.9%	-1.4%	-12.3%	-7.8%
Crude Oil WTI	61.87	-3.3%	-3.2%	-13.2%	-7.6%
Gold	3,653.30	3.9%	5.8%	38.3%	46.0%
S&P 500 VIX	15.18	-1.2%	-8.4%	-12.5%	-32.2%
Dollar Index	97.73	0.0%	-0.5%	-9.8%	-3.4%
U.S. 10Y	4.09	-3.3%	-3.7%	-10.6%	10.0%
U.S. 2Y	3.51	-3.2%	-6.1%	-17.2%	-4.0%

Nguồn: Update 06/09, Investing, MBS Research

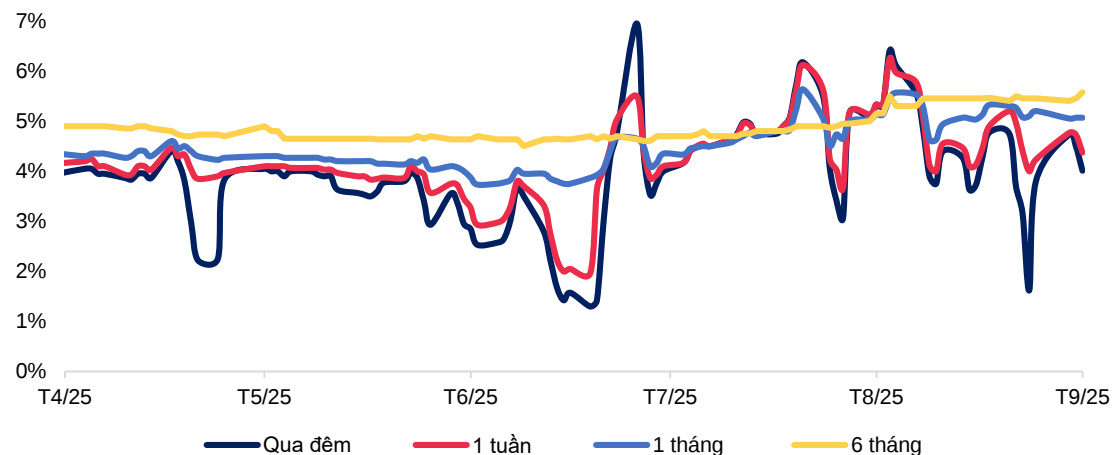




Lãi suất

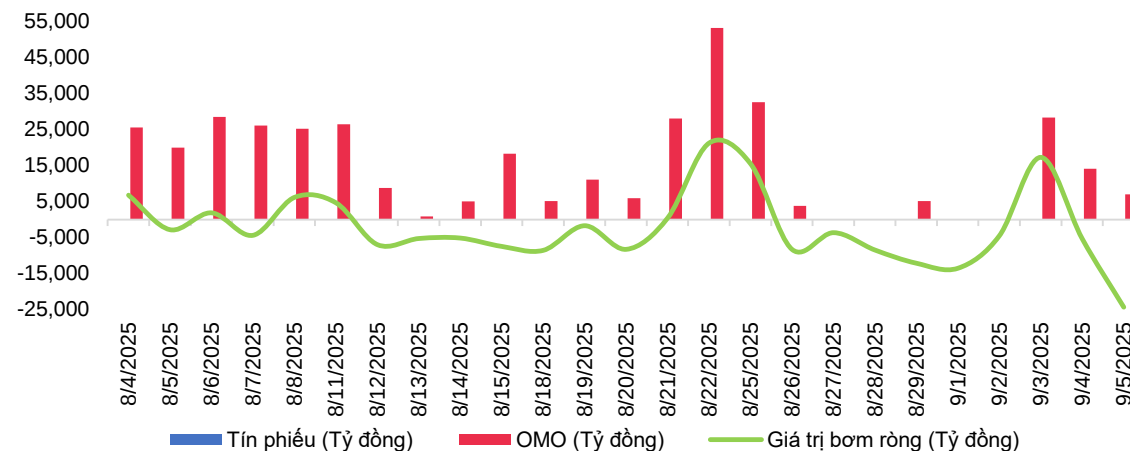
- Tuần vừa qua, NHNN đã tăng mạnh quy mô hút ròng thanh khoản với trị giá đạt hơn 30.7 nghìn tỷ đồng (+78% so với tuần trước). Cụ thể, có khoảng hơn 49.4 nghìn tỷ đồng trúng thầu trên kênh OMO với các kỳ hạn 7 - 28 ngày với lãi suất 4%. Cùng với đó, khối lượng đảo hạn trên kênh cho vay cầm cố giấy tờ có giá trong kỳ đạt gần 80.2 nghìn tỷ đồng. Tính đến thời điểm hiện tại, khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố là hơn 150.9 nghìn tỷ đồng và không còn tín phiếu lưu hành trên thị trường.
- Lãi suất liên ngân hàng nhích tăng chủ yếu tại các kỳ hạn ngắn vào đầu tuần vừa qua trong bối cảnh áp lực thanh khoản gia tăng sau kỳ nghỉ lễ Quốc Khánh và việc NHNN duy trì trạng thái hút ròng trong hai tuần trở lại đây. Đặc biệt trong đó, lãi suất qua đêm tăng mạnh 0.9 điểm phần trăm so với cuối tuần trước lên mức 4.7%. Tuy nhiên, đến cuối tuần, lãi suất liên NH tại các kỳ hạn đã đều hạ nhiệt trở lại. Cụ thể, lãi suất qua đêm hiện ở mức 4%. Các kỳ hạn từ 1 tuần - 1 tháng giảm khoảng 0.2 – 0.4 điểm phần trăm so với đầu tuần, hiện dao động trong khoảng 4.4% - 5.1%, trong khi lãi suất kỳ hạn dài 6 tháng giữ ổn định ở mức 5.6%.

Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Thị trường mở

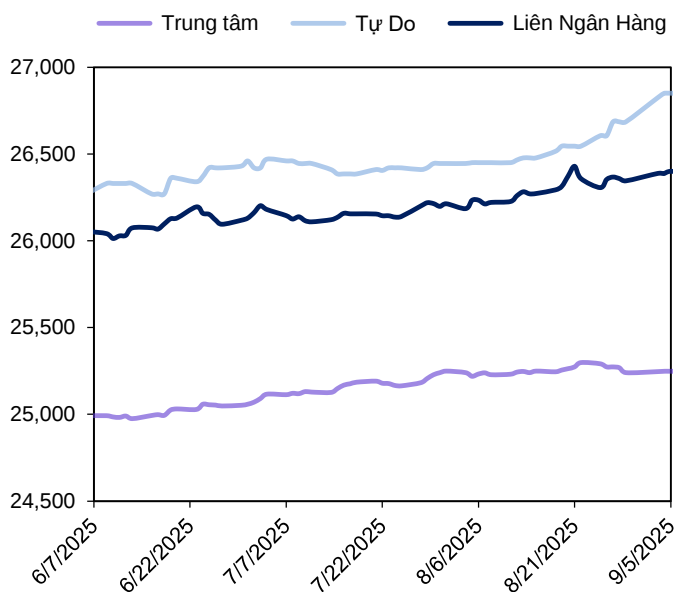


Nguồn: NHNN, MBS Research

Thị trường ngoại hối và trái phiếu

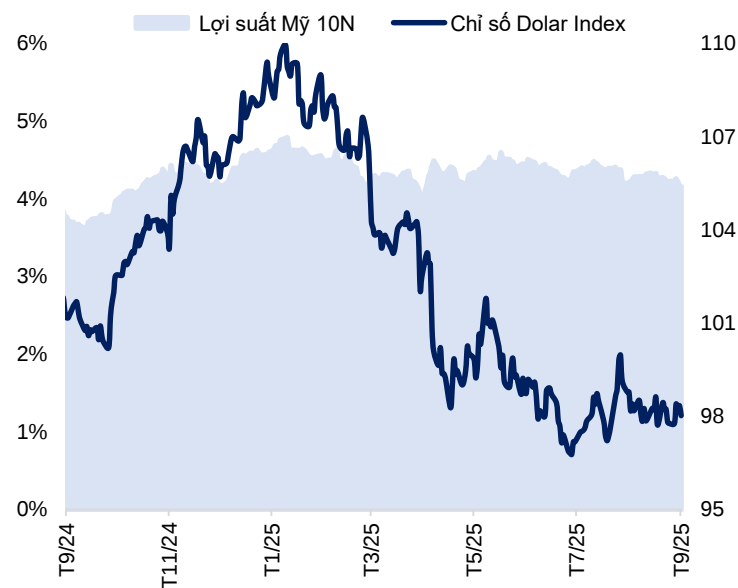
Tuần vừa qua, chỉ số DXY duy trì khá ổn định quanh mức 98 trước khi giảm về mức 97.7 vào cuối tuần sau các dữ liệu kinh tế cho thấy thị trường lao động Mỹ đang suy yếu, qua đó, củng cố kỳ vọng của giới đầu tư về việc Fed sẽ hạ lãi suất trong tháng này. Cụ thể, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp mới tại Mỹ trong tuần qua tăng lên mức cao nhất kể từ tháng 6 khi đạt 237 nghìn đơn. Tình trạng suy yếu của thị trường lao động Mỹ cũng được củng cố thêm bởi báo cáo việc làm tháng 8 cho thấy nước Mỹ chỉ tạo thêm chưa đến 600 nghìn việc làm kể từ đầu năm - mức thấp nhất trong 8 tháng đầu năm (nếu loại trừ năm 2020 do đại dịch) kể từ năm 2009. Đặc biệt, các ngành sản xuất và xây dựng ghi nhận sự sụt giảm rõ rệt. Thêm vào đó, tỷ lệ thất nghiệp đã tăng lên gần mức cao nhất trong 4 năm ở mức 4.3% trong tháng 8. Theo đó, thị trường đang định giá khoảng 88% Fed sẽ hạ lãi suất 25 điểm cơ bản trong cuộc họp tháng 9. Trong nước, tỷ giá USD/VND liên ngân hàng tăng 0.2% so với cuối tuần trước lên mức 26,400 VND/USD (+3.7% ytd). Tỷ giá tại thị trường tự do tăng mạnh 0.6% so với cuối tuần trước, hiện ở mức 26,850 VND/USD (+4.3% ytd), trong khi tỷ giá trung tâm niêm yết tại 25,248 VND/USD (+3.7% ytd).

Tỷ giá USD/VND



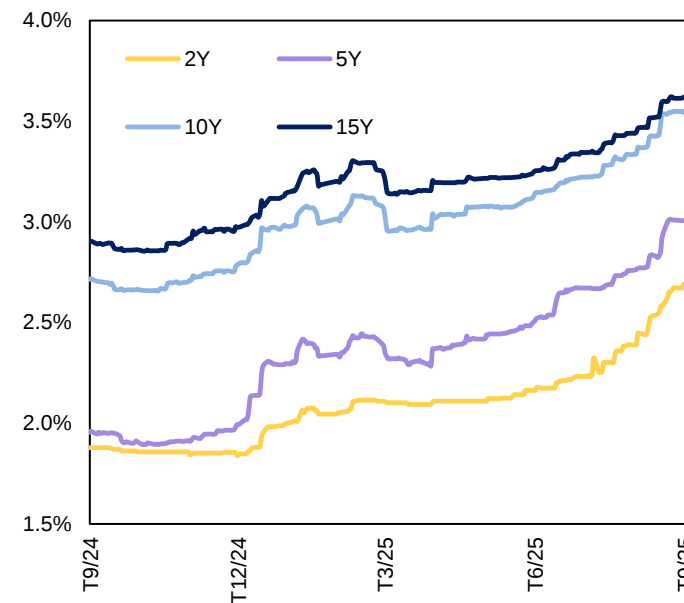
Nguồn: NHNN, Bloomberg, MBS Research

Chỉ số Dolar index và lợi suất TPCP Mỹ 10N



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Lợi suất TPCP

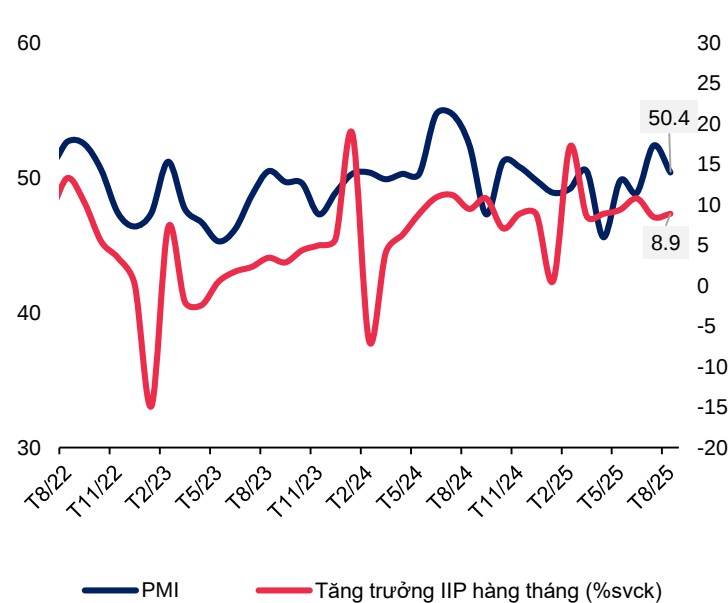


Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Kinh tế vĩ mô trong nước

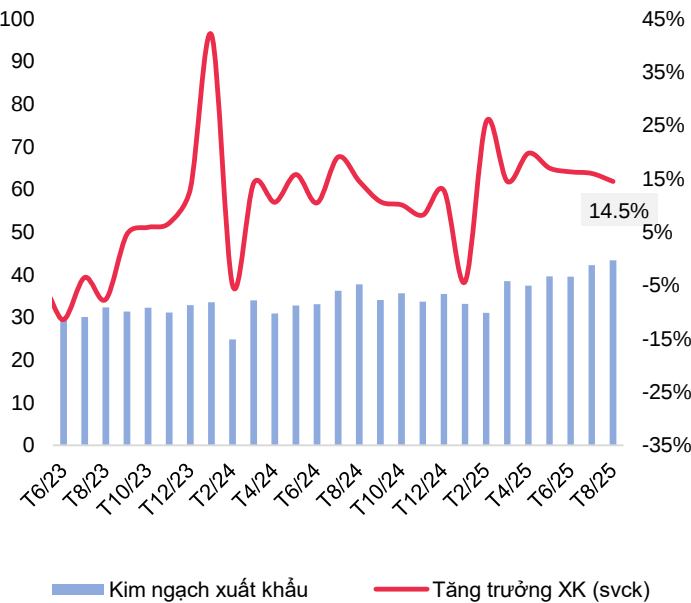
- Trong T8/25, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 43.39 tỷ USD (+14.5% svck), trong khi kim ngạch nhập khẩu ước đạt 39.67 tỷ USD (+17.7% svck). Lũy kế từ đầu năm, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 13.99 tỷ USD. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) T8/25 ước tính tăng 2.2% so với tháng trước và tăng 8.9% svck. Tuy nhiên, chỉ số PMI giảm từ mức 52.4 điểm của tháng 7 xuống 50.4 điểm trong tháng 8 khi số lượng đơn hàng mới giảm trở lại trong kỳ do tình trạng nhu cầu suy yếu. Trong đó, số lượng đơn hàng xuất khẩu mới tiếp tục giảm tháng thứ mười liên tiếp.
- Tốc độ tăng trưởng của tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 10.6% svck trong T8. Lũy kế 8T2025, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 9.4% svck, nếu loại trừ yếu tố giá tăng tăng 7.2% svck.

Chỉ số PMI sản xuất và IIP của Việt Nam (% svck)



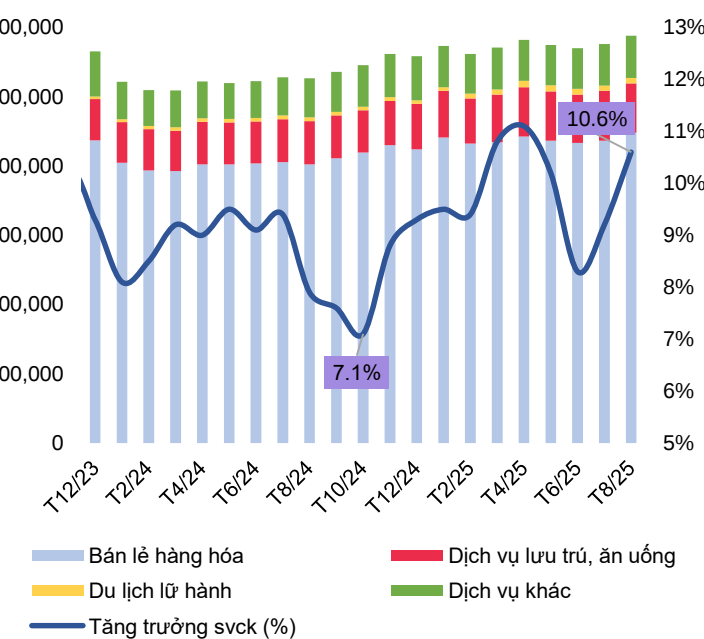
Nguồn: TCTK, MBS Research

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm qua các tháng (Tỷ USD)



Nguồn: TCTK, MBS Research

Doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng so với cùng kỳ năm trước (Nghìn tỷ USD)



Nguồn: TCTK, MBS Research

Kinh tế vĩ mô trong nước

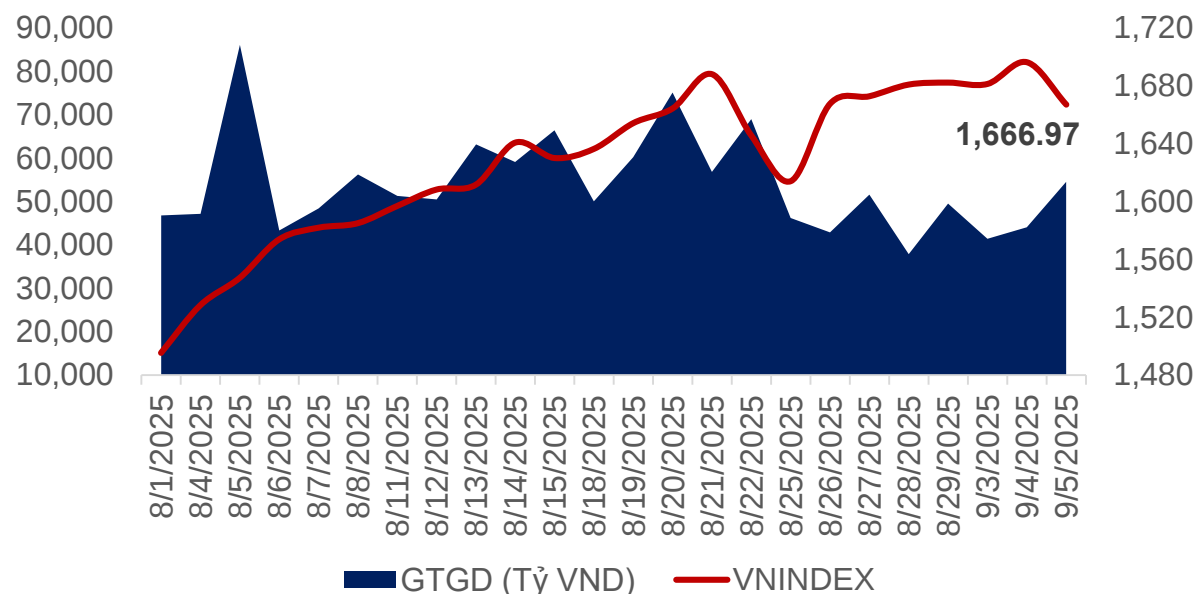
MBS VIETNAM MACRO SNAPSHOT		Tháng 8/2025
 IIP ▲ 8.9% PMI ▼ 50.4	- Chỉ số PMI giảm từ mức 52.4 điểm của tháng 7 xuống 50.4 điểm trong tháng 8 khi số lượng đơn hàng mới giảm trở lại trong kỳ do tình trạng nhu cầu suy yếu. Trong đó, số lượng đơn hàng xuất khẩu mới tiếp tục giảm tháng thứ mười liên tiếp. - Chỉ số IIP T8/25 ước tính tăng 2.2% so với tháng trước và tăng 8.9% svck. Lũy kế từ đầu năm, chỉ số IIP tăng 8.5% svck.	
 Xuất siêu T8/25 3.72 tỷ US\$ Lũy kế thặng dư 13.99 tỷ US\$	Xuất khẩu T8/25 43.39 tỷ US\$ ▲ 14.5% svck Lũy kế 305.96 tỷ US\$ Nhập khẩu T8/25 39.67 tỷ US\$ ▲ 17.7% svck Lũy kế 291.97 tỷ US\$	Lũy kế từ đầu năm, kim ngạch xuất khẩu đạt 305.96 tỷ USD (+14.8% svck). Một số mặt hàng có mức tăng trưởng mạnh trong kỳ bao gồm: Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận (+121.8% svck); Điện tử, máy tính và linh kiện (+43.1% svck); Sản phẩm từ sắt thép (+26.4% svck). Trong khi kim ngạch nhập khẩu đạt 291.97 tỷ USD (+17.9% svck). Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 13.99 tỷ USD, tuy nhiên mức này vẫn thấp hơn đáng kể so với cùng kỳ năm ngoái với mức xuất siêu 19.07 tỷ USD.
 Lạm phát T8/25 ▲ 3.24% svck Bình quân từ đầu năm ▲ 3.25% svck	Chỉ số CPI tháng 8 tăng 3.24% svck - cao hơn một chút so với mức tăng 3.19% trong tháng 7. Yếu tố chính đóng góp vào mức tăng của CPI trong tháng là nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt & vật liệu xây dựng (+7% svck) - tác động làm CPI chung tăng 1.32 điểm phần trăm. Trong đó, giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở (cát, đá xây dựng...) tăng 8.9% do thiếu hụt nguồn cung; giá nhà ở thuê tăng 7%; giá điện sinh hoạt tăng 10.9% sau đợt tăng giá điện vào T5/25. Ở chiều ngược lại, các yếu tố giúp kiềm chế đà tăng của CPI trong tháng bao gồm: giá xăng, dầu giảm 7.6% theo giá thế giới, xe ô tô mới giảm 0.6%, nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0.6%. Lũy kế từ đầu năm, lạm phát tăng 3.25% svck; trong khi lạm phát cơ bản tăng 3.2% svck.	
 FDI đăng ký cấp mới T8/25 1 tỷ US\$ Lũy kế 11.03 tỷ US\$ ▼ 8.1% svck FDI giải ngân T8/25 1.8 tỷ US\$ Lũy kế 15.4 tỷ US\$ ▲ 8.8% svck	- Tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam 8T25 đạt 26.14 tỷ USD (+27.3% svck). - Vốn FDI thực hiện trong tám tháng đầu năm 2025 là mức cao nhất của tám tháng trong 5 năm qua.	Đầu tư công T8/25 83.8 nghìn tỷ đồng ▲ 32.6% svck Lũy kế từ đầu năm giải ngân 463.2 nghìn tỷ đồng ▲ 26.9% svck ▲ 48.3% KH năm
 Bán lẻ, dịch vụ T8/25 ▲ 10.6% svck Lũy kế ▲ 9.4% svck, nếu loại trừ yếu tố giá ▲ 7.2% svck	Khách quốc tế đến Việt Nam T8/25 1.68 triệu lượt người ▲ 16.5% svck Lũy kế 13.9 triệu lượt người ▲ 21.7% svck	

Chỉ số Vn-Index không giữ được ngưỡng 1.700 điểm dưới áp lực từ nhóm Bluechips, trong khi cổ phiếu penny vẫn duy trì đà tăng

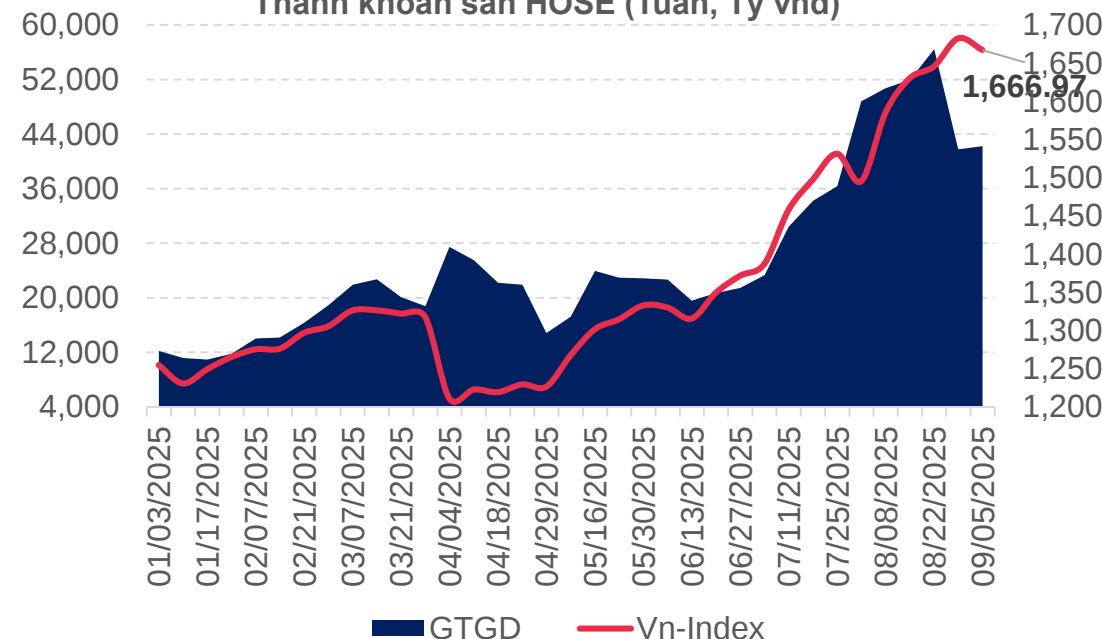
Chỉ số Vn-Index không giữ được ngưỡng 1.700 điểm trong phần lớn thời gian ở phiên giao dịch cuối tuần trước. Chốt tuần đầu tiên của tháng 9 ở ngưỡng 1.666,97 điểm, giảm -15,24 điểm, tương đương giảm -0,91% so với tuần trước. Diễn biến đáng chú ý ở tuần giao dịch sau kỳ nghỉ lễ diễn ra ở phiên cuối tuần khi chỉ số Vn-Index vượt ngưỡng 1.700 điểm, lập kỷ lục nội phiên nhưng đóng cửa giảm 29,32 điểm so với phiên trước và giảm 44,52 điểm so với mức cao nhất trong phiên. Tuần vừa qua, thị trường chỉ giao dịch 3 phiên, trong khi Vn-Index và VN30 đều giảm 1% thì nhóm Midcap gần như đ ingang và giảm nhẹ 0,06%, đáng chú ý là nhóm Smallcap ngược dòng thị trường với mức tăng 0,83%. Một số nhóm cổ phiếu có mức tăng mạnh trên thị trường trong tuần vừa qua như: Xây dựng và VLXD (+4,8%), BĐS KCN (+2,4%), Viettel (+5,1%), ... ở chiều ngược lại, nhóm cổ phiếu gây áp lực lên thị trường: Chứng khoán (-4,7%), Vingroup (-3,2%).

Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua đạt 46.656 tỷ đồng, tăng +2,3% so với tuần trước đó, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng tăng nhẹ +4,8% lên 44.554 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản tháng 8 tăng +197% vsck và tăng + 40% so với tháng 7, đạt 55.120 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường đạt 29.754 tỷ đồng, tăng +41% so với mức bình quân năm 2024, và tăng +32% so với cùng kỳ.

Diễn biến VN-INDEX (1 tháng)



Thanh khoản sàn HOSE (Tuần, Tỷ vnd)

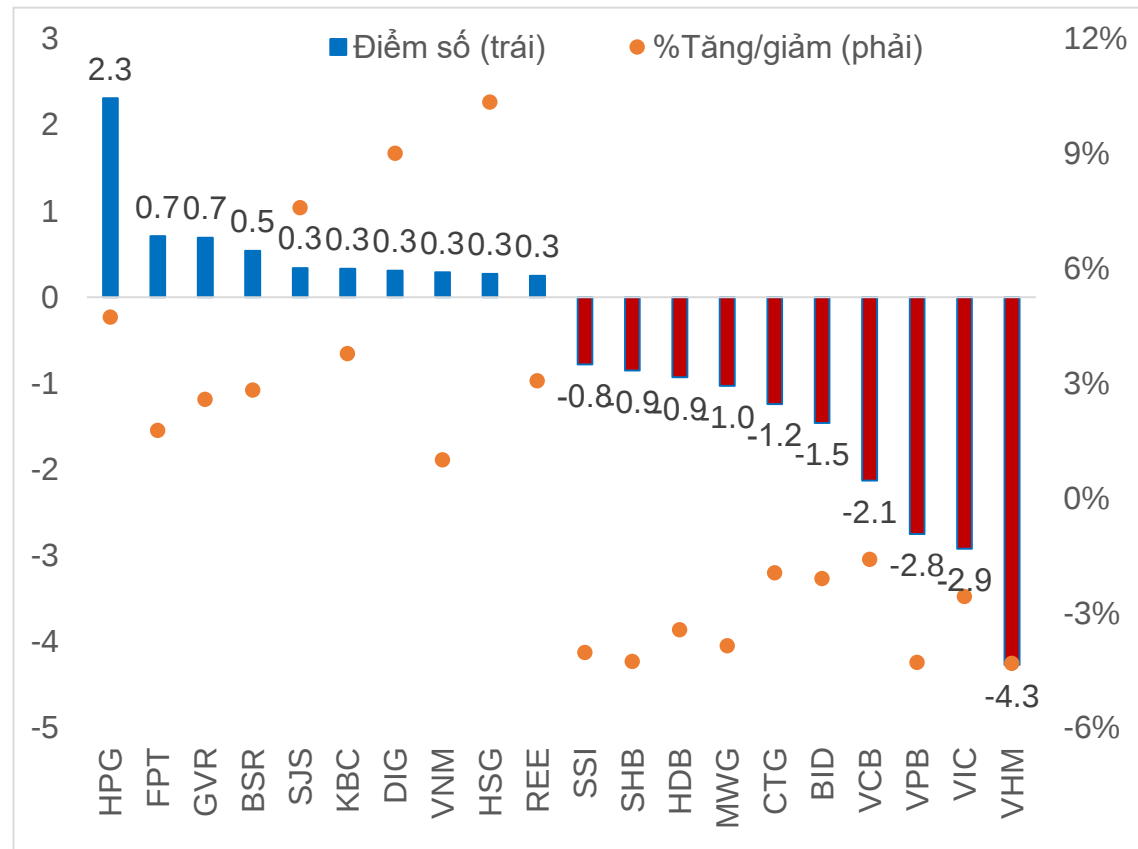


THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



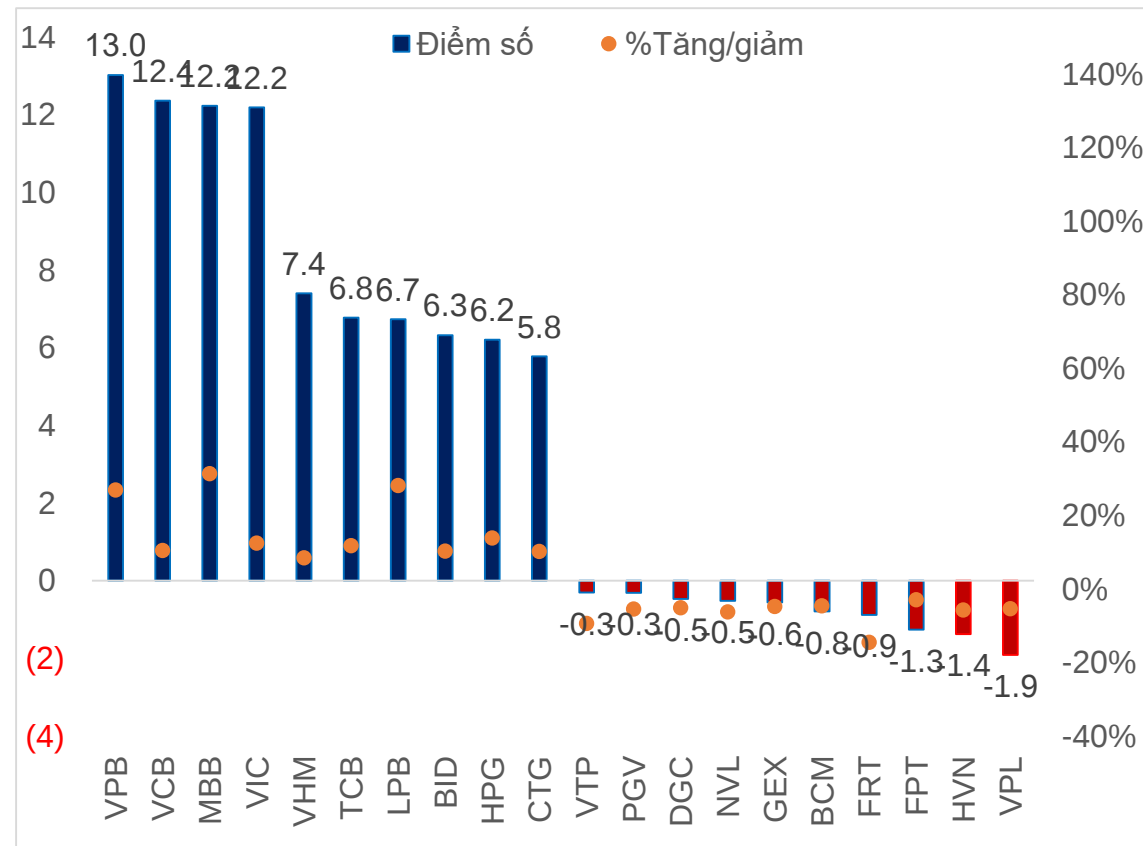
Top cổ phiếu đóng góp vào mức tăng/giảm của chỉ số Vn-Index trong vòng 1 tuần và 1 tháng qua

Top cổ phiếu đóng góp vào mức giảm -15,3 điểm (-0,91%) của Vn-Index 1 tuần qua



Nguồn: FinX, MBS Research

Top cổ phiếu đóng góp vào mức tăng +139 điểm (+9,1%) của Vn-Index 1 tháng qua

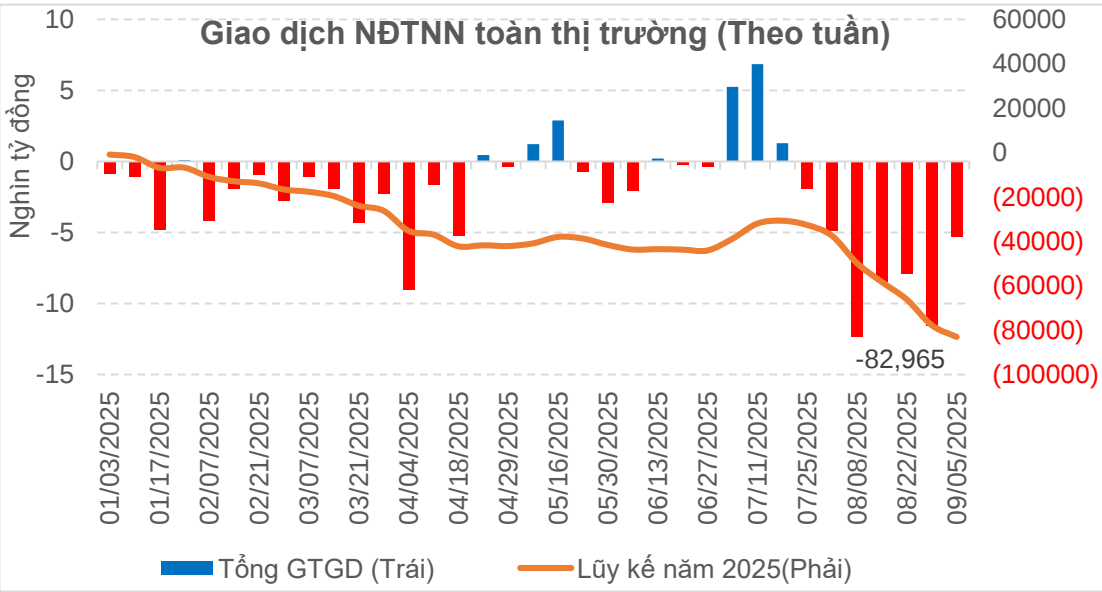
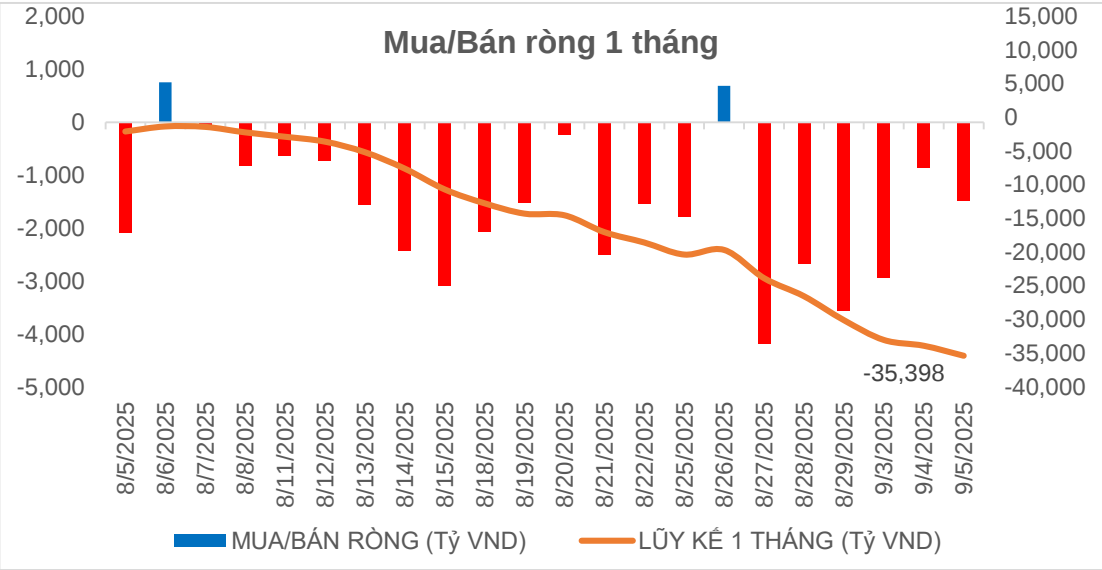


Nguồn: FinX, MBS Research

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Khối ngoại bán ròng -7.890 tỷ đồng, đánh dấu tuần bán ròng thứ 5 liên tiếp, lũy kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng -66.142 tỷ đồng



Dòng vốn đầu tư quốc tế ở khu vực Châu Á (Triệu USD)

Country	Date	Daily	WTD	MTD	QTD	YTD	12M
Asia (11)							
China	30-Jun-25			17,577	18,652	27,258	54,887
India	3-Sep-25	-78	-371	-371	-7,537	-15,692	-22,774
Indonesia	4-Sep-25	-19	-254	-254	-90	-3,327	-4,149
Japan	29-Aug-25		-5,343	3,790	19,927	26,932	-1,187
Malaysia	3-Sep-25	41	-19	-19	-1,053	-3,780	-5,542
Philippines	5-Sep-25	2	-28	-28	-130	-725	-831
S. Korea	5-Sep-25	-96	548	548	4,005	-5,362	-17,752
Sri Lanka	4-Sep-25	0.0	-2.8	-3	-38	-77	-93
Taiwan	4-Sep-25	429	488	488	6,516	587	-9,271
Thailand	4-Sep-25	-55	-10	-10	-181	-2,517	-3,344
Vietnam	4-Sep-25	-26	-131	-131	-1,377	-2,919	-3,965

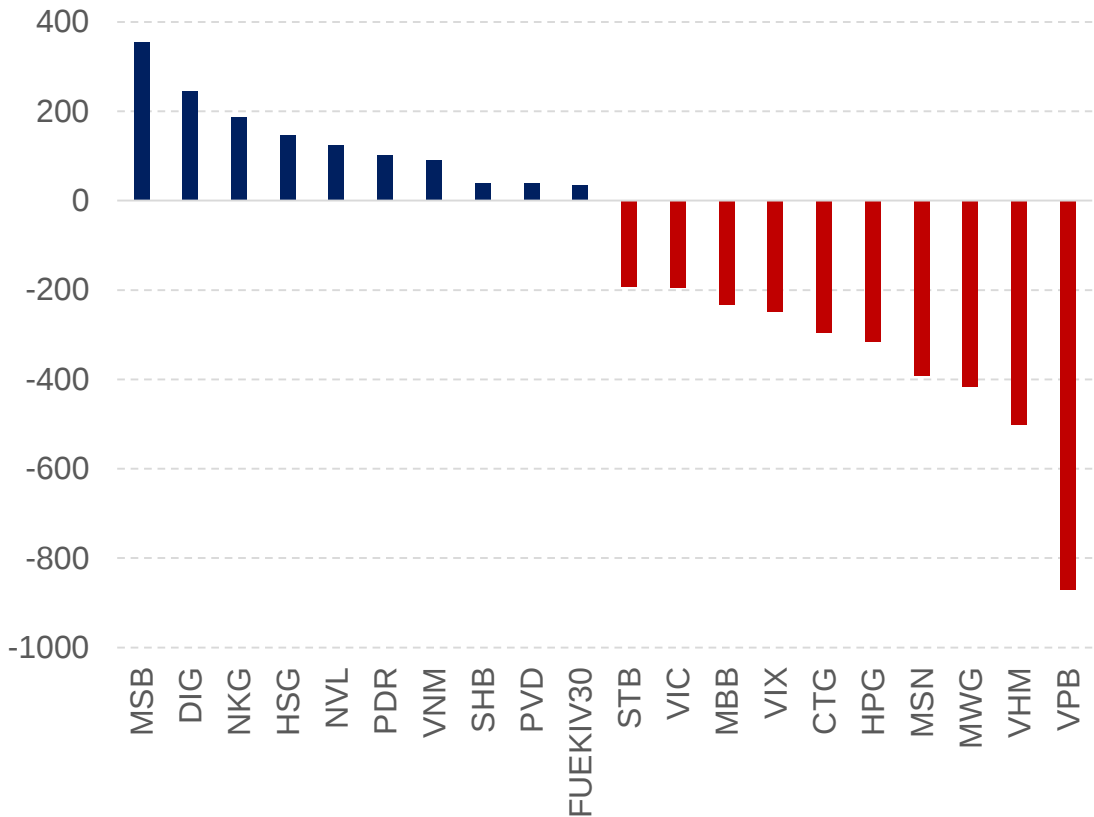
Nguồn: Bloomberg, MBS Research

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



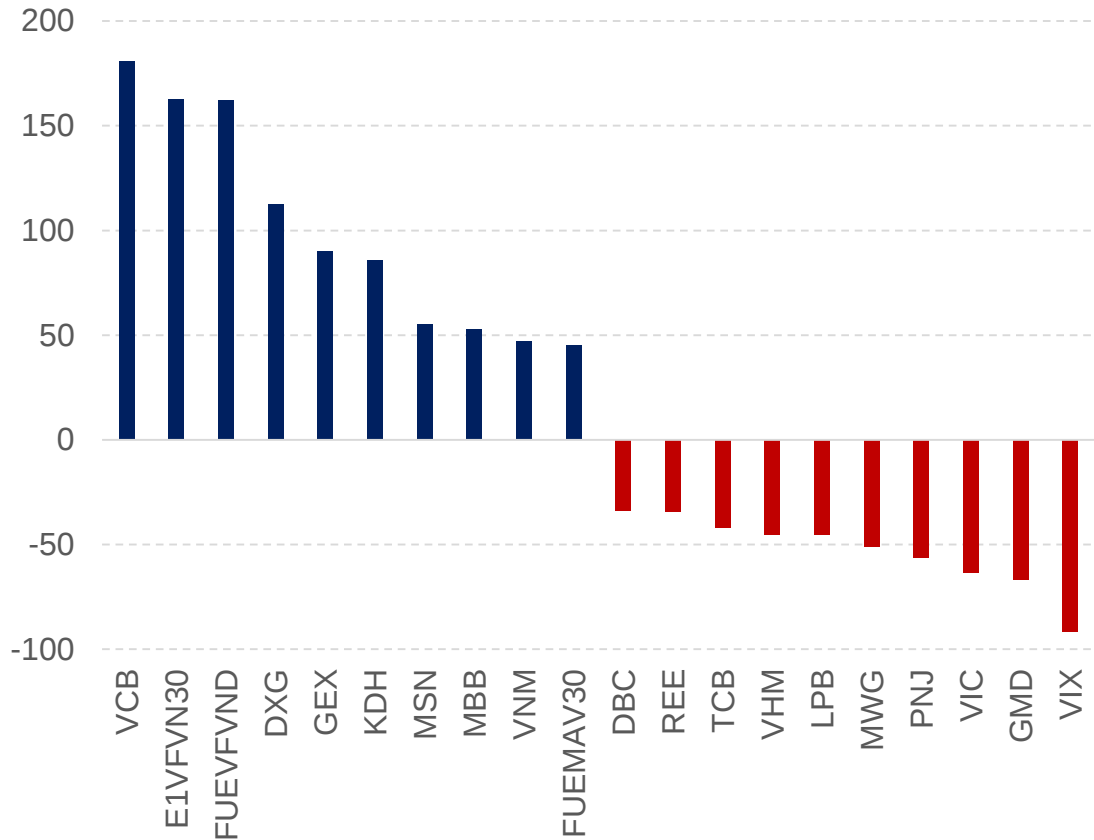
Top cổ phiếu được khối ngoại và tự doanh Mua/Bán ròng trên sàn HOSE (Tỷ VND)

Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng trên sàn HOSE tuần vừa qua (Tỷ VND)



Nguồn: FinX, MBS Research

Top cổ phiếu được tự doanh ròng trên sàn HOSE tuần vừa qua (Tỷ VND)



Nguồn: FinX, MBS Research

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Các quỹ ETF có hiệu suất khá tích cực và dòng vốn vẫn rút ròng

	Fund Assets (M USD)	NAV Currency	NAV	MTD Return	YTD Return	1 Yr Return	1W Flow (M USD)	1M Flow (M USD)	3M Flow (M USD)	YTD Flow (M USD)	1Y Flow (M USD)
VanEck Vietnam ETF	591.64	USD	18.15	-0.82%	58.01%	44.54%	0.00	4.46	27.05	-30.94	-76.65
SSIAM VNFIN LEAD ETF	21.52	VND	34,769.14	22.62%	57.24%	65.00%	0.00	0.02	-0.57	-5.02	-11.21
Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF	352.76	EUR	32.70	-0.12%	38.61%	36.18%	0.00	-2.99	-7.24	-28.79	-49.87
DCVFMVN30 ETF Fund	239.72	VND	32,819.80	15.48%	40.12%	41.38%	-3.60	-29.22	-48.01	-97.08	-120.69
Fubon FTSE Vietnam ETF	529.04	TWD	16.39	-0.67%	39.09%	34.80%	-13.36	-85.09	-166.12	-254.34	-297.17
DCVFMVN Diamond ETF	534.56	VND	40,230.84	15.00%	20.08%	19.97%	-5.66	-43.42	-6.19	-36.22	-19.00
MAFN VN30 ETF	41.12	VND	22,518.61	15.49%	39.25%	41.69%	-0.17	-0.42	-0.71	2.69	14.77
KIM Growth VN30 ETF	91.72	VND	12,541.50	14.99%	40.25%	41.35%	-0.05	-1.63	-6.03	-3.20	5.01
	2,402.08						-22.84	-158.30	-207.82	-452.90	-554.81

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Dòng tiền ròng theo nhóm cổ phiếu (% tăng/giảm vs tuần trước)

	09/05/2025	08/29/2025	08/22/2025	08/15/2025	08/08/2025
Dầu khí	11.6%	-44.8%	7.0%	-2.2%	22.9%
Ngân hàng	-18.2%	-25.8%	26.5%	14.9%	9.3%
Chứng khoán	-16.9%	5.0%	-0.2%	-4.8%	-6.2%
Bất động sản	27.7%	-38.3%	11.2%	26.9%	-9.3%
Dệt may	-1.1%	-17.4%	-34.2%	8.9%	2.4%
Bán lẻ	-0.6%	-11.5%	1.2%	-3.2%	0.3%
Vingroup	-12.6%	-29.2%	21.6%	-10.8%	8.2%
Xây dựng & VLXD	106.3%	-29.0%	-0.8%	-25.0%	44.6%
Thực phẩm	35.6%	-40.0%	-18.4%	57.0%	-12.5%
Thủy sản	34.9%	-33.8%	-11.6%	-21.5%	58.2%
Logistics	-19.6%	-22.2%	-7.8%	5.1%	-26.6%
Dược phẩm	47.0%	-37.3%	-13.3%	44.4%	-32.3%
Sản xuất & PP Điện	26.6%	-44.9%	-0.2%	18.8%	-16.5%
Đầu tư công	38.2%	-58.6%	10.9%	24.9%	-3.4%
Hóa chất	28.4%	-55.3%	4.8%	-5.4%	11.3%
Cao su tự nhiên	5.0%	-49.1%	-12.4%	37.7%	-39.2%
Bảo hiểm	-0.5%	-47.9%	-19.7%	132.2%	16.1%
Ô tô và phụ tùng	83.7%	-47.8%	-10.9%	-10.7%	-26.8%
Dịch vụ	-5.0%	-17.1%	-17.4%	15.7%	12.6%
BDS KCN	38.5%	-48.7%	24.3%	24.3%	-14.2%
Viettel	17.0%	-50.8%	-16.9%	-21.1%	-0.6%
Du lịch	29.0%	-65.9%	-4.8%	66.8%	-27.6%
Công nghệ	2.3%	-19.6%	-29.5%	72.5%	-11.5%
Đường	-19.0%	-29.2%	18.4%	-14.9%	-24.7%

Cơ cấu thanh khoản theo nhóm cổ phiếu (Theo tuần)

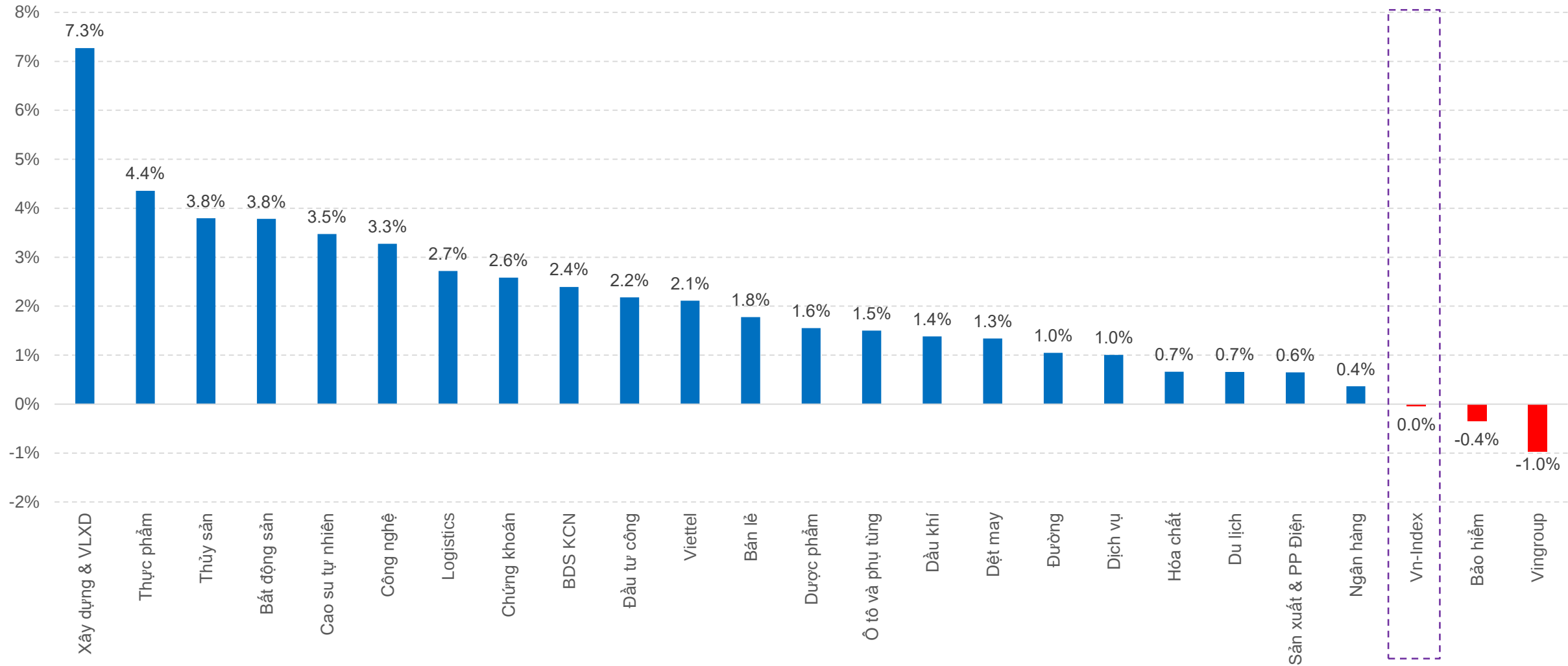
	09/05/2025	08/29/2025	08/22/2025	08/15/2025	08/08/2025
Dầu khí	2.5%	2.4%	3.2%	3.2%	3.5%
Ngân hàng	23.6%	30.0%	29.7%	25.2%	23.7%
Chứng khoán	19.1%	23.9%	16.7%	17.9%	20.4%
Bất động sản	15.6%	12.7%	15.2%	14.6%	12.4%
Dệt may	0.4%	0.4%	0.4%	0.6%	0.6%
Bán lẻ	3.1%	3.3%	2.7%	2.9%	3.2%
Vingroup	2.5%	3.0%	3.1%	2.7%	3.3%
Xây dựng & VLXD	12.7%	6.4%	6.6%	7.2%	10.3%
Thực phẩm	3.8%	2.9%	3.6%	4.7%	3.2%
Thủy sản	0.7%	0.5%	0.6%	0.7%	1.0%
Logistics	1.9%	2.5%	2.4%	2.7%	2.8%
Dược phẩm	0.1%	0.1%	0.1%	0.1%	0.1%
Sản xuất & PP Điện	1.6%	1.3%	1.8%	1.9%	1.7%
Đầu tư công	2.5%	1.9%	3.3%	3.2%	2.8%
Hóa chất	2.0%	1.6%	2.6%	2.7%	3.1%
Cao su tự nhiên	0.1%	0.1%	0.1%	0.2%	0.1%
Bảo hiểm	0.2%	0.2%	0.3%	0.4%	0.2%
Ô tô và phụ tùng	0.5%	0.3%	0.4%	0.5%	0.6%
Dịch vụ	1.0%	1.1%	1.0%	1.3%	1.2%
BDS KCN	2.7%	2.0%	2.9%	2.5%	2.1%
Viettel	0.3%	0.3%	0.4%	0.6%	0.8%
Du lịch	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
Công nghệ	3.0%	3.0%	2.8%	4.2%	2.6%
Đường	0.1%	0.1%	0.1%	0.1%	0.2%

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Mặt bằng cổ phiếu vẫn cao hơn sau phiên tăng 53 điểm (26/8) dù Vn-Index đã về lại ngưỡng này

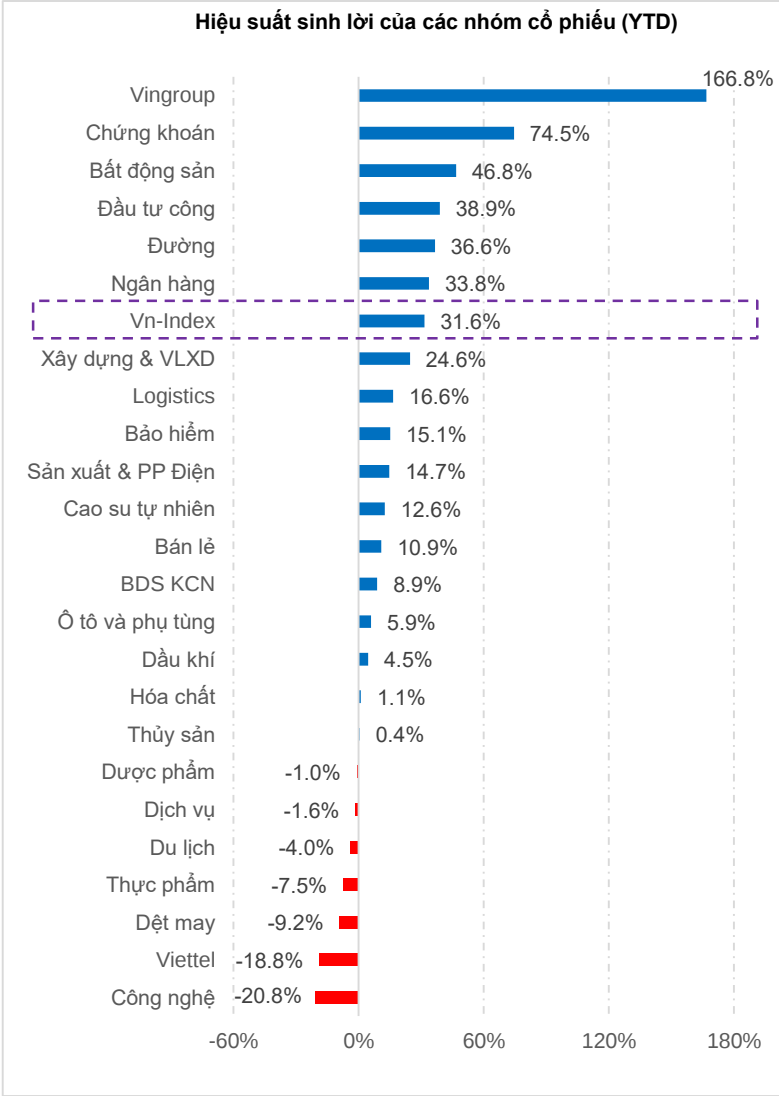
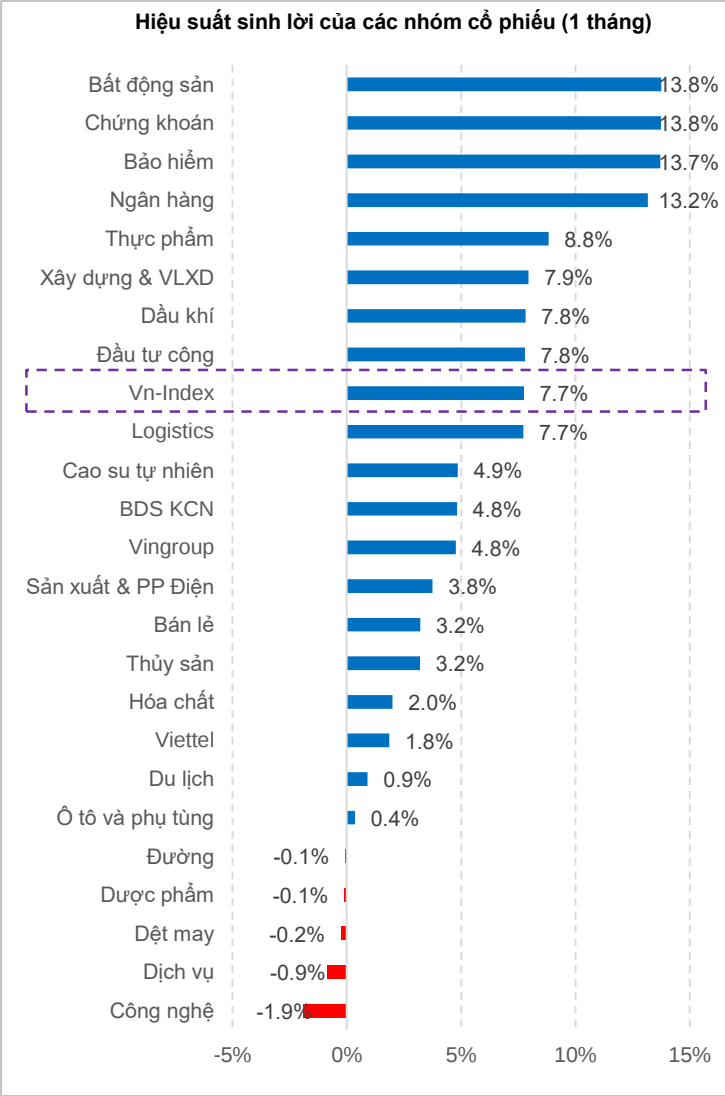
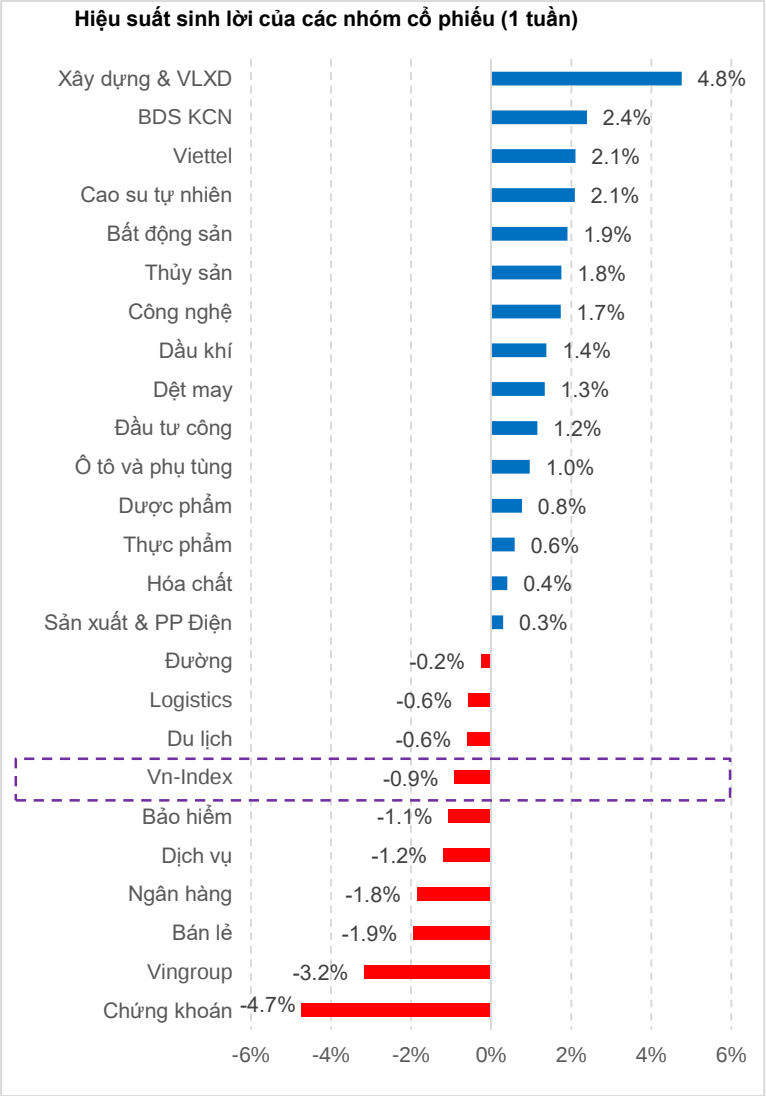
Hiệu suất các nhóm cổ phiếu so với ngưỡng 1.667 điểm (phiên tăng 53 điểm)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất các nhóm cổ phiếu (1 tuần, 1 tháng và từ đầu năm)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất của Top cổ phiếu có thanh khoản bình quân 100 tỷ/phiên, cách đỉnh 5-15% trong vòng 10 phiên vừa qua

STT	MCK	Giá đóng cửa (05/09)	% giảm theo giá cao nhất	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Tỷ VND)
	VNINDEX	1666.97	-2.60	-0.9	7.7	31.6	
1	HPG	28.80	-4.32	4.7	9.1	29.8	2,856
2	MBB	27.40	-4.86	-1.3	23.0	67.5	1,275
3	FPT	103.40	-1.99	1.8	-2.3	-21.4	972
4	VCB	67.50	-4.39	-1.6	9.8	10.7	786
5	MWG	75.00	-4.21	-3.9	8.2	24.7	786
6	HDB	32.30	-4.86	-3.4	15.8	26.7	578
7	KBC	41.15	-4.52	3.8	26.8	51.3	494
8	NKG	17.90	-4.02	12.9	11.5	23.9	397
9	NVL	17.30	-3.89	3.0	-3.9	68.8	347
10	HSG	20.25	-4.03	10.4	8.9	13.0	330
11	VJC	142.00	-4.18	-1.7	11.6	42.0	292
12	VCG	25.90	-4.43	2.0	1.2	59.8	283
13	VNM	60.90	-2.56	1.0	1.3	-0.5	271
14	GMD	66.50	-5.00	-3.8	13.9	5.4	259
15	VRE	30.30	-4.42	-0.3	-2.1	76.7	206
16	DBC	27.75	-3.31	0.0	-5.7	15.1	199
17	DGC	97.90	-3.45	-0.3	-5.4	-16.0	194
18	NLG	43.80	-3.52	1.5	6.7	21.4	190
19	PVS	35.10	-2.77	3.5	4.8	3.5	178
20	PVD	22.65	-3.62	6.3	8.1	-3.2	171

STT	MCK	Giá đóng cửa (05/09)	% giảm theo giá cao nhất	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Tỷ VND)
	VNINDEX	1666.97	-2.60	-0.9	7.7	31.6	
1	VSC	31.00	-13.89	3.3	26.0	151.5	340
2	VPB	33.50	-13.88	-4.3	26.4	79.2	1,477
3	BSR	27.25	-13.35	2.8	33.6	19.5	341
4	MBS	38.50	-12.50	-7.7	9.9	38.4	480
5	CII	23.20	-11.45	3.1	50.2	89.8	717
6	GVR	29.80	-10.91	2.6	-0.5	-1.8	117
7	VIC	125.00	-10.65	-2.6	6.4	208.3	281
8	VIB	22.25	-10.28	-1.6	15.3	33.7	380
9	SHS	27.00	-10.00	-7.5	16.4	149.3	956
10	TPB	20.60	-9.65	-1.4	17.1	32.7	831
11	LPB	44.45	-9.19	-1.2	25.9	52.7	126
12	DXG	22.30	-8.98	-2.2	11.0	74.7	537
13	EIB	28.75	-8.73	-3.2	7.1	49.0	512
14	VND	25.00	-8.59	-5.1	5.5	104.7	1,247
15	VIX	36.00	-8.28	-4.5	34.3	284.5	1,564
16	SSI	40.50	-8.27	-4.0	16.9	55.5	2,050
17	HDC	35.95	-8.17	1.0	2.7	43.5	179
18	ACB	27.15	-7.97	-2.3	15.8	25.9	490
19	HDG	31.20	-7.96	-2.0	18.2	20.5	169
20	PDR	25.10	-7.72	2.2	32.1	31.0	850

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

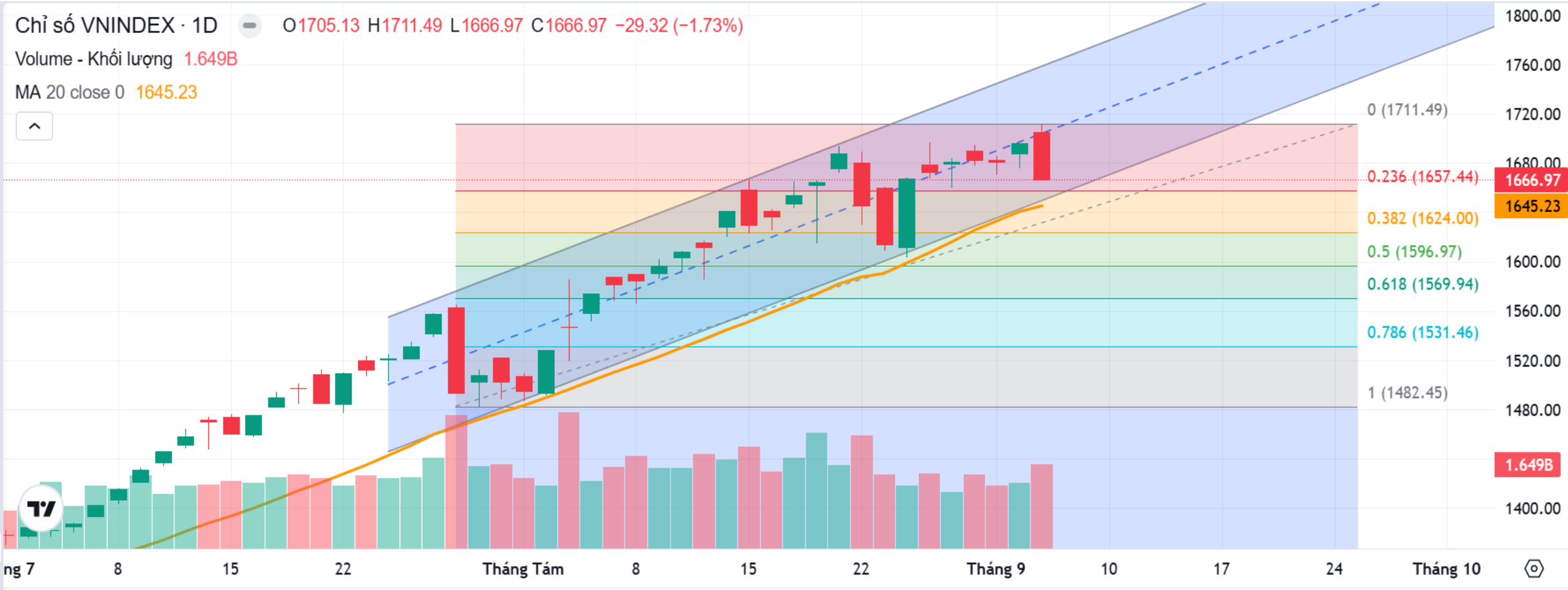


Hiệu suất của Top 30 cổ phiếu có thanh khoản bình quân lớn nhất thị trường

STT	MCK	Giá đóng cửa (05/09)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Tỷ VND)
	VNINDEX	1666.97	-0.9	7.7	31.6	
1	HPG	28.80	4.7	9.1	29.8	946
2	SSI	40.50	-4.0	16.9	55.5	936
3	SHB	18.00	-4.3	10.9	128.5	827
4	FPT	103.40	1.8	-2.3	-21.4	745
5	VIX	36.00	-4.5	34.3	284.5	693
6	VPB	33.50	-4.3	26.4	79.2	657
7	TCB	39.50	-0.3	6.8	60.2	623
8	STB	56.00	0.7	8.3	51.8	532
9	MBB	27.40	-1.3	23.0	67.5	525
10	MWG	75.00	-3.9	8.2	24.7	501
11	MSN	83.00	0.0	11.3	18.6	481
12	VND	25.00	-5.1	5.5	104.7	471
13	VHM	100.00	-4.3	4.2	150.0	455
14	GEX	53.90	-1.1	-8.8	201.9	413
15	VCI	46.00	-4.7	0.4	39.6	410

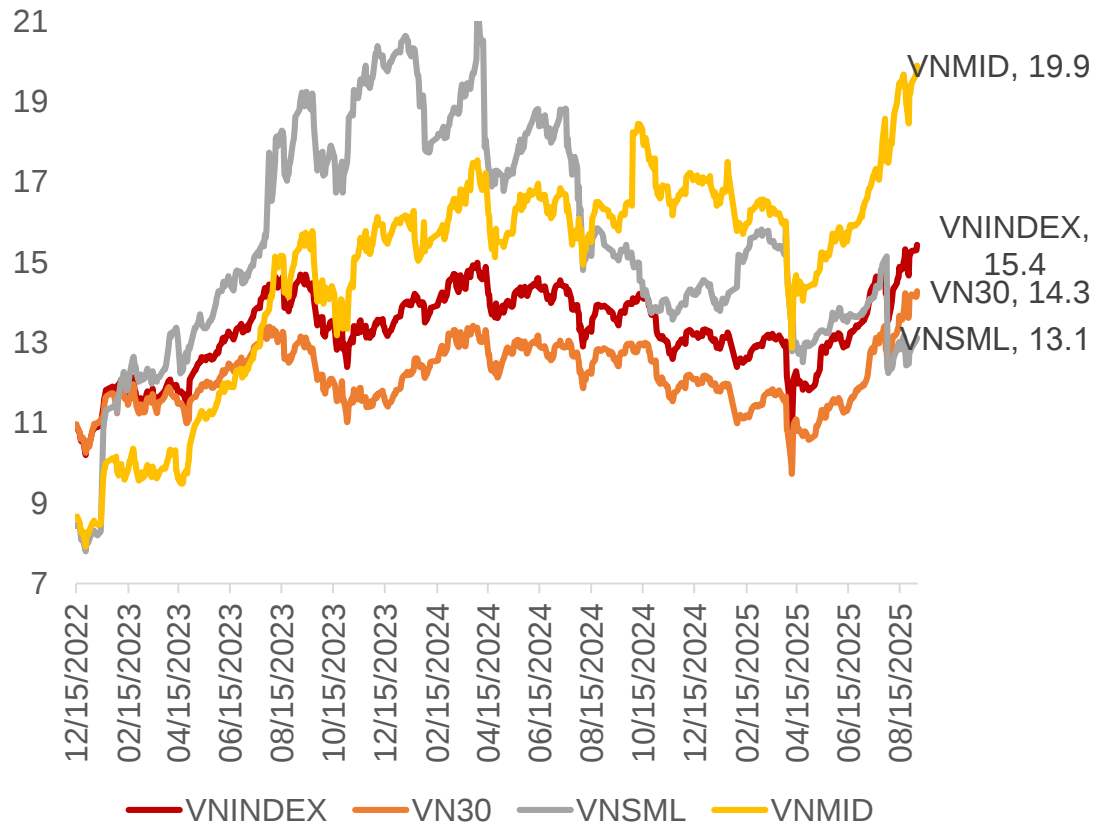
STT	MCK	Giá đóng cửa (05/09)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Tỷ VND)
16	VIC	125.00	-2.6	6.4	208.3	382
17	SHS	27.00	-7.5	16.4	149.3	371
18	CTG	50.30	-2.0	8.2	33.1	365
19	HDB	32.30	-3.4	15.8	26.7	356
20	TPB	20.60	-1.4	17.1	32.7	349
21	DIG	25.40	9.0	19.5	42.4	334
22	HCM	28.50	-2.1	7.3	25.4	313
23	EIB	28.75	-3.2	7.1	49.0	309
24	VCB	67.50	-1.6	9.8	10.7	307
25	DXG	22.30	-2.2	11.0	74.7	289
26	NVL	17.30	3.0	-3.9	68.8	287
27	ACB	27.15	-2.3	15.8	25.9	282
28	CII	23.20	3.1	50.2	89.8	275
29	CEO	25.80	4.9	13.7	105.0	268
30	PDR	25.10	2.2	32.1	31.0	264

Chúng tôi cho rằng thị trường tiếp tục hình thành vùng tái tích lũy 1.640 - 1.700 điểm, nửa đầu tháng 9 thị trường có thể còn khó khăn nhưng sẽ tích cực vào 2 tuần cuối tháng 9 trước khi chờ đợi thông tin nâng hạng đầu tháng 10



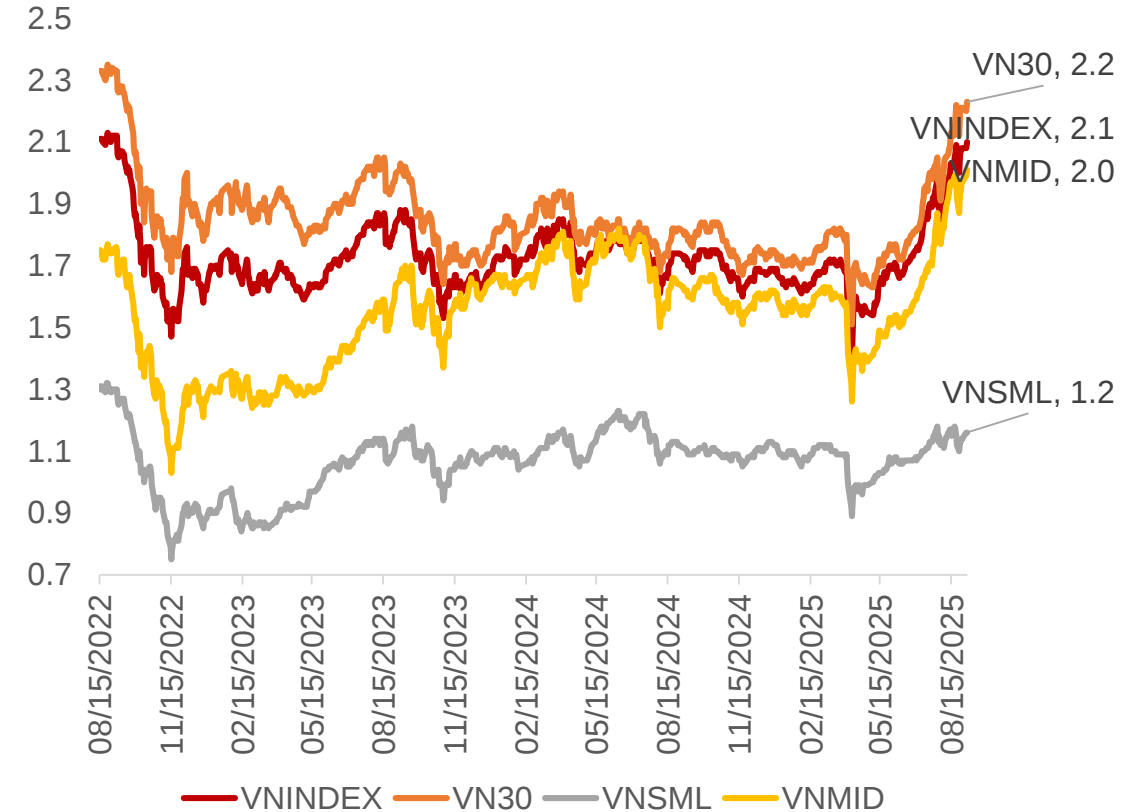
Định giá thị trường: Hệ số P/E và P/B trong vòng 3 năm qua (ttm, lần)

Hệ số P/E TTM (lần) trong vòng 3 năm của các chỉ số



Nguồn: FinX, MBS Research

Hệ số P/B của các chỉ số trong vòng 3 năm qua (lần)



Nguồn: FinX, MBS Research

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Nhận định thị trường: Tháng 9 là một trong 3 tháng yếu trong năm, trong 3 năm liên trước, thị trường giảm 2 năm và trong 10 năm qua, thị trường giảm -0,54%

	Jan	Feb	Mar	Apr	May	Jun	Jul	Aug	Sep	Oct	Nov	Dec
10 Yr Avg	2.47	1.98	-1.51	.18	1.88	.65	1.29	1.79	-.54	-1.13	2.28	1.19
2025	-.14	3.19	.11	-6.16	8.67	3.26	9.19	11.96	-.91			
2024	3.04	7.59	2.50	-5.81	4.32	-1.30	.50	2.59	.32	-1.82	-1.11	1.31
2023	10.34	-7.78	3.90	-1.46	2.48	4.19	9.17	.09	-5.71	-10.91	6.41	3.27
2022	-1.29	.76	.14	-8.40	-5.42	-7.36	.73	6.15	-11.59	-9.20	1.99	-3.94
2021	-4.28	10.59	1.97	4.02	7.15	6.06	-6.99	1.64	.80	7.62	2.37	1.34
2020	-2.54	-5.81	-24.90	16.09	12.40	-4.55	-3.24	10.43	2.67	2.24	8.39	10.05
2019	2.03	6.02	1.58	-.11	-2.02	-1.04	4.39	-.77	1.27	.23	-2.81	-1.01
2018	12.81	1.01	4.72	-10.58	-7.52	-1.08	-.46	3.47	2.79	-10.06	1.29	-3.67
2017	4.87	1.94	1.62	-.63	2.80	5.24	.91	-.10	2.77	4.08	13.45	3.61
2016	-5.83	2.59	.33	6.62	3.35	2.23	3.16	3.43	1.65	-1.45	-1.59	-.03
2015	5.58	2.86	-6.99	2.04	1.27	4.12	4.72	-9.07	-.37	7.95	-5.63	1.02

Nguồn: Bloomberg

 Ưu điểm vượt trội:

- (1) Tự động gợi ý các mã cổ phiếu chất lượng.
- (2) Tự động cập nhật điểm mua cổ phiếu theo thời gian thực (real-time) khi mã cổ phiếu biến động vào vùng giá khuyến nghị.
- (4) Hỗ trợ luồng đặt lệnh siêu tốc dành cho khách hàng.
- (5) Hoàn toàn miễn phí sử dụng.

 Luận điểm:

- (1) Cổ phiếu nổi bật có câu chuyện ảnh hưởng tích cực đến tình hình kinh doanh của ngành, có kết quả kinh doanh được dự báo tăng trưởng trong tương lai, và được Khối Nghiên cứu đánh giá lạc quan.
- (2) Danh sách các cổ phiếu khuyến nghị của khối nghiên cứu có Upside ≥ 1 .
- (3) Cổ phiếu thuộc 200 công ty có vốn hóa lớn nhất trên cả 3 sàn HOSE, HNX và UPCOM.
- (4) Khối lượng giao dịch Trung bình 30 phiên của cổ phiếu lớn hơn 500,000 cổ phiếu/ngày.

Thống kê hiệu quả Danh mục Alpha

Danh mục đầu tư hàng đầu từ chuyên gia Nghiên cứu MBS



1 tuần

DM Alpha 1.82%

Vnindex 0,9%

2 tuần

DM Alpha 1,36%

Vnindex 3,7%

Từ ngày khởi tạo

DM Alpha 18,41%

Vnindex 36,23%

Danh mục nắm giữ hiện tại

Danh mục Alpha bắt đầu khởi tạo ngày 08/08/2024
Hiệu suất Vnindex tính từ 8/8/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng

Vĩ mô & Chiến lược thị trường

Ngô Quốc Hưng

Nghiêm Phú Cường

Đinh Hà Anh

Võ Đức Anh

Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính

Đinh Công Luyện

Bất động sản

Nguyễn Minh Đức

Lê Hải Thành

Dịch vụ - Tiêu dùng

Nguyễn Quỳnh Ly

Công nghiệp – Năng Lượng

Phạm Thị Thanh Huyền

Nguyễn Hà Đức Tùng